

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 28 tháng 1 năm 2010



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Quốc Cường*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XỐP NHỰA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
cho năm tài chính 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA**

Địa chỉ: B15, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3 8 753 213 Fax: (84 - 4) 3 8 752 436

---

**MỤC LỤC**

**NỘI DUNG**

**TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2 - 4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

5 - 6

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

7 - 9

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

10

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12 - 33

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2009.

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/12/1994. Công ty có năm (05) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 20/12/2002;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 22/05/2003;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 24/06/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 11/01/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 16/11/2007.

Vốn điều lệ của Công ty là: **30.000.000.000 đồng** (Ba mươi tỷ đồng Việt Nam).

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp (%)	Số cổ phần
1	Công ty Điện tử Hà Nội	Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội	34,94 %	1.048.256
2	Trịnh Quang	Số 24 Lê Đại Hành, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	0,99 %	29.710
3	Lê Minh Chiêu	Số 79 ngõ Thịnh Hào, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội	0,48 %	14.410
4	Vũ Huy Nam	Số 70 Tuệ Tĩnh, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	0,34 %	10.090
5	Trần Ngọc Hằng	Số 93B ngõ Văn Chương, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	0,44%	13.320
6	Phạm Văn Quân	P5 B10 tập thể Hồ Ngọc Khánh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội	0,30 %	9.020
7	Các cổ đông khác		62,51 %	1.875.194
	<b>Cộng</b>		<b>100 %</b>	<b>3.000.000</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 12/09/2009 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 22/12/2009 và thông báo chấp thuận báo cáo phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24/12/2009, vốn của Công ty đã tăng thêm 10 tỷ đồng do Công ty Điện tử Hà Nội chuyển tiền mua cổ phần của cổ đông chiến lược vào ngày 25/12/2009.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa và các chi tiết cấu kiện từ nhựa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Buôn bán vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất thiết bị chiếu sáng, sưởi nóng, sinh hơi nước, nấu nướng, làm lạnh, sấy khô, thông gió;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện;
- Sản xuất thiết bị phân phối nước;
- Sản xuất thiết bị vệ sinh.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2009 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

**Hội đồng quản trị**

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Quốc Bình  | Chủ tịch     |
| - Ông Hoàng Văn Phúc    | Phó Chủ tịch |
| - Ông Hoàng Anh Tuấn    | Ủy viên      |
| - Ông Trần Anh Tuấn     | Ủy viên      |
| - Ông Nguyễn Quốc Cường | Ủy viên      |

**Ban Giám đốc**

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Quốc Cường | Giám đốc     |
| - Ông Nguyễn Duy Hải    | Phó Giám đốc |

**Trụ sở chính**

Địa chỉ: B15, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 3 8 753 213 Fax: (84 - 4) 3 8 752 436

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện phát sinh sau ngày khoá sổ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA**



**Nguyễn Quốc Cường**  
**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2010



# CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội  
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 26 -10/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2010

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 của Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2009 được lập ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa (sau đây gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 33 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa.

### Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa cho năm tài chính 2009:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



---

**Trần Quốc Tuấn**  
Tổng giám đốc  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV*  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

---

**Đặng Thị Kim Trinh**  
Kiểm toán viên  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1229/KTV*

Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>53.531.551.059</b>	<b>48.354.478.495</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13.687.110.858</b>	<b>704.603.519</b>
1 Tiền	111	V.01	13.687.110.858	704.603.519
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>2.815.607</b>	<b>2.749.083</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121		2.815.607	2.749.083
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.883.468.832</b>	<b>20.026.310.586</b>
1 Phải thu khách hàng	131	VIII.2.1	20.237.307.246	18.349.049.513
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	675.241.560	670.516.500
5 Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.170.920.026	1.006.744.573
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(200.000.000)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.320.483.248</b>	<b>25.547.322.219</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.04	15.320.483.248	25.547.322.219
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.637.672.514</b>	<b>2.073.493.088</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		630.400.472	473.444.144
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	521.034.968
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	521.123.753
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	1.007.272.042	557.890.223
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>41.970.883.569</b>	<b>48.536.393.909</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.070.345.523</b>	<b>46.066.203.790</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	40.070.345.523	46.066.203.790
- Nguyên giá	222		98.049.730.814	95.627.265.600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(57.979.385.291)	(49.561.061.810)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		368.001.322	368.001.322
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(368.001.322)	(368.001.322)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>900.000.000</b>
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	-	900.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.900.538.046</b>	<b>1.570.190.119</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.900.538.046	1.570.190.119
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>95.502.434.628</b>	<b>96.890.872.404</b>



Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>42.846.097.955</b>	<b>61.350.425.419</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>35.408.296.790</b>	<b>50.692.556.702</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	26.216.502.087	39.795.968.998
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	8.321.514.627	9.943.880.110
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	41.537.100	91.537.100
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	426.063.291	60.905.619
5 Phải trả người lao động	315		169.681.436	407.092.297
6 Chi phí phải trả	316	V.12	-	-
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	232.998.249	393.172.578
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.437.801.165</b>	<b>10.657.868.717</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.13	7.437.801.165	10.657.868.717
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>52.656.336.673</b>	<b>35.540.446.985</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>52.759.148.767</b>	<b>35.643.259.079</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	30.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		6.935.230.000	3.935.230.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		735.289.565	735.289.565
4 Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		210.291.037	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		544.142.715	544.142.715
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		188.687.241	188.687.241
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.145.508.209	239.909.558
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>(102.812.094)</b>	<b>(102.812.094)</b>
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(102.812.094)	(102.812.094)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)</b>	<b>440</b>		<b>95.502.434.628</b>	<b>96.890.872.404</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại	USD		473,45	395,83
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA**

Kế toán trưởng



**Phạm Thị Thu Hằng**

Giám đốc



**Nguyễn Quốc Cường**

Mẫu số B 02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	126.524.127.481	120.384.235.081
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.16	309.684	109.291.885
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.17	126.523.817.797	120.274.943.196
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.18	107.951.123.473	106.351.024.022
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)	20		18.572.694.324	13.923.919.174
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	199.888.224	198.255.354
7 Chi phí tài chính	22	VI.20	5.698.087.698	10.331.677.672
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		3.590.906.219	7.647.603.335
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	3.847.431.079	3.631.044.872
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	5.420.384.798	5.040.795.794
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		3.806.678.973	(4.881.343.810)
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.8	1.298.441.690	6.391.651.273
12 Chi phí khác	32	VIII.2.9	372.630.837	1.376.954.456
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		925.810.853	5.014.696.817
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		4.732.489.826	133.353.007
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.21	826.891.175	81.243.179
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.905.598.651	52.109.828
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.22	1.301,87	17,64

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hằng

Giám đốc



Nguyễn Quốc Cường

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.732.489.826	133.353.007
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.759.184.669	9.067.119.141
- Các khoản dự phòng	03		200.000.000	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(14.053.947)	198.801.203
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(199.888.224)	(84.378.354)
- Chi phí lãi vay	06		3.590.906.219	7.647.603.335
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.068.638.543	16.962.498.332
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.939.664.668)	475.717.105
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.226.838.971	(3.358.468.823)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(2.064.540.318)	2.364.369.718
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(487.304.255)	(357.663.956)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.598.044.788)	(7.673.837.731)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.561.835.195	1.887.776.333
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.310.432.312)	(697.617.555)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		18.457.326.368	9.602.773.423
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.945.590.373)	(4.284.244.123)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		156.363.636	706.279.480
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		900.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		199.888.224	82.218.677
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(1.689.338.513)	(3.495.745.966)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		13.000.000.000	2.476.120.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		97.834.284.654	96.208.524.964
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(114.633.819.117)	(104.607.800.078)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(3.799.534.463)	(5.923.155.114)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		12.968.453.392	183.872.343
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		704.603.519	719.532.379
Ảnh hưởng của thay đổi TGHE quy đổi ngoại tệ	61		14.053.947	(198.801.203)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	13.687.110.858	704.603.519

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Hằng

Giám đốc



NGUYỄN QUỐC CƯỜNG

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

**I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hanel xốp nhựa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là đơn vị kinh tế độc lập, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12/12/1994. Công ty có năm (05) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 20/12/2002;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 22/05/2003;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 24/06/2004;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 11/01/2006;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 16/11/2007.

Vốn điều lệ của Công ty là: **30.000.000.000 đồng** (Ba mươi tỷ đồng Việt Nam).

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp (%)	Số cổ phần
1	Công ty Điện tử Hà Nội	Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, Hà Nội	34,94 %	1.048.256
2	Trịnh Quang	Số 24 Lê Đại Hành, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	0,99 %	29.710
3	Lê Minh Chiêu	Số 79 ngõ Thịnh Hào, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, Hà Nội	0,48 %	14.410
4	Vũ Huy Nam	Số 70 Tuệ Tĩnh, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	0,34 %	10.090
5	Trần Ngọc Hằng	Số 93B ngõ Văn Chương, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội	0,44%	13.320
6	Phạm Văn Quân	P5 B10 tập thể Hồ Ngọc Khánh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội	0,30 %	9.020
7	Các cổ đông khác		62,51 %	1.875.194
	<b>Cộng</b>		<b>100 %</b>	<b>3.000.000</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 12/09/2009 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 22/12/2009 và thông báo chấp thuận báo cáo phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24/12/2009, vốn của Công ty đã tăng thêm 10 tỷ đồng do Công ty Điện tử Hà Nội chuyển tiền mua cổ phần của cổ đông chiến lược vào ngày 25/12/2009.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa và các chi tiết cấu kiện từ nhựa;
- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Buôn bán vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

- Sản xuất thiết bị chiếu sáng, sưởi nóng, sinh hơi nước, nấu nướng, làm lạnh, sấy khô, thông gió;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện;
- Sản xuất thiết bị phân phối nước;
- Sản xuất thiết bị vệ sinh.

Địa chỉ: B15, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3 8 753 213 Fax: (84 - 4) 3 8 752 436

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 - Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán AD Soft. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ đã được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.*Phương pháp tính giá hàng xuất kho:* Theo phương pháp bình quân gia quyền.*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho :*

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ - BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với TSCĐ hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc thiết bị	3 - 18
- Phương tiện vận tải	5 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
- Tài sản hữu hình khác	19

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chi phí tập huấn Iso 14000 và phần mềm chấm công tự động.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao Tài sản cố định vô hình thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 04 – Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Phần mềm chăm công	3
- Chi phí tập huấn Iso 14000	3

Những tài sản cố định nêu trên đã hết khấu hao và hiện vẫn còn sử dụng.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản tiền gốc và lãi trên tài khoản tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, chứng từ ngân hàng, phiếu thu và phiếu chi.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ là các khoản chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí công cụ dụng cụ có thời gian phân bổ 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ là các khoản tiền thuê đất nhà máy xốp Sài Đồng, nhà máy nhựa Sài Đồng, chi phí hệ thống quản lý chất lượng và môi trường, chi phí tư vấn, chi phí sửa chữa máy nén khí và các khoản chi phí khác có thời gian phân bổ trên 1 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 12/09/2009 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 22/12/2009 và thông báo chấp thuận báo cáo phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24/12/2009, vốn của Công ty đã tăng thêm 10 tỷ đồng do Công ty Điện tử Hà Nội chuyển tiền mua cổ phần của cổ đông chiến lược vào ngày 25/12/2009.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2009

(tiếp theo)

### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm xốp, nhựa, doanh thu bán hàng hóa như thép lõi que hàn, khuôn chèn xốp, doanh thu cho thuê nhà xưởng, cho thuê khuôn xốp nhựa và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán các sản phẩm xốp, nhựa, doanh thu bán hàng hóa được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu và sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 05 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà xưởng, cho thuê khuôn xốp nhựa được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 02 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, là chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện.

### 10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

#### 10.1 Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 10.2 Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Chương Dương và vay ngắn hạn cá nhân; khoản vay dài hạn của Công ty là khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Chương Dương. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn vay dưới 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 01 năm trở lên được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**10.3 Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế của hàng hóa kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Đối với các mặt hàng từ nhựa được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty được miễn thuế 1 năm đầu tiên kể từ khi có lãi, giảm 50% trong 4 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 107/GP-UB ngày 17/12/2001 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 35/GP-UB ngày 29/04/2003 cho phần mở rộng đầu tư lắp đặt trang thiết bị mới cho nhà máy Nhựa của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Tuy nhiên trong năm 2008, hoạt động bán các mặt hàng nhựa của Công ty đều lỗ.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**10.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng sản phẩm, hàng hoá xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>49.594.263</b>	<b>39.569.574</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>13.637.516.595</b>	<b>665.033.945</b>
Tiền gửi ngân hàng Ngoại Thương - CN Chương Dương	594.727.331	626.558.139
VND	588.891.483	619.838.133
USD	5.835.848	6.720.006
Tiền gửi ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lâm (VND)	13.021.534.048	20.325.523
Tiền gửi ngân hàng TMCP Quân đội (VND)	21.255.216	18.150.283
VND	18.596.898	18.150.283
USD	2.658.318	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.687.110.858</b>	<b>704.603.519</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**2. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Số dư trên tài khoản tại Công ty Chứng khoán ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	2.815.607	2.749.083
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.815.607</b>	<b>2.749.083</b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Dư nợ TK 1388	222.573.026	360.879.892
<i>Biện Hồng Nhung</i>	1.690.000	1.690.000
<i>Hoàng Văn Cường</i>	1.000.000	10.620.000
<i>Tiền cấp vốn cho Ban Tài chính</i>	26.000.000	26.000.000
<i>Thuế nhập khẩu được hoàn lại</i>	187.283.026	301.233.026
<i>Tiền điện nước Cửa hàng Thái Hà</i>	-	11.336.866
<i>Vũ Mạnh Hùng</i>	6.600.000	10.000.000
Dư nợ TK 3388	1.948.347.000	645.864.681
<i>Công ty Điện tử Hà Nội</i>	-	630.300.681
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.948.347.000	15.564.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.170.920.026</b>	<b>1.006.744.573</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguyên liệu vật liệu	7.680.980.500	7.961.065.688
Công cụ, dụng cụ	225.694.884	225.694.884
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.727.264.067	13.430.828.186
Thành phẩm	3.686.543.797	3.061.757.861
Hàng hóa	-	867.975.600
<b>Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>15.320.483.248</b>	<b>25.547.322.219</b>

**5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	521.123.753
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>521.123.753</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL XÓP NHỰA**

Địa chỉ: B 15, Đường số 6, Khu Công nghiệp Sài Đồng B, Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3 8 753 213

Fax: (84 - 4) 3 8 752 436

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính 2009

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2009</b>	<b>13.916.907.186</b>	<b>79.638.125.612</b>	<b>138.355.600</b>	<b>1.933.877.202</b>	<b>95.627.265.600</b>
Mua trong năm	-	2.102.473.200	551.193.273	-	2.653.666.473
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	291.923.900	433.483.000	-	725.406.900
Thanh lý, nhượng bán	-	(384.769.559)	(138.355.600)	-	(523.125.159)
Giảm khác	-	-	-	(433.483.000)	(433.483.000)
<b>Số dư ngày 31/12/2009</b>	<b>13.916.907.186</b>	<b>81.647.753.153</b>	<b>984.676.273</b>	<b>1.500.394.202</b>	<b>98.049.730.814</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2009</b>	<b>5.309.472.829</b>	<b>42.578.503.073</b>	<b>138.355.600</b>	<b>1.534.730.308</b>	<b>49.561.061.810</b>
Khấu hao trong năm	1.058.044.013	7.483.984.987	95.883.556	121.272.113	8.759.184.669
Chuyển sang từ TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	173.394.000	-	173.394.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(202.505.588)	(138.355.600)	-	(340.861.188)
Giảm khác	-	-	-	(173.394.000)	(173.394.000)
<b>Số dư ngày 31/12/2009</b>	<b>6.367.516.842</b>	<b>49.859.982.472</b>	<b>269.277.556</b>	<b>1.482.608.421</b>	<b>57.979.385.291</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>8.607.434.357</b>	<b>37.059.622.539</b>	<b>-</b>	<b>399.146.894</b>	<b>46.066.203.790</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>7.549.390.344</b>	<b>31.787.770.681</b>	<b>715.398.717</b>	<b>17.785.781</b>	<b>40.070.345.523</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.179.880.974 VND

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

## 7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm chấm công	Chi phí tập huấn Iso 14000	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư ngày 01/01/2009	42.014.982	325.986.340	368.001.322
Mua trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	42.014.982	325.986.340	368.001.322
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư ngày 01/01/2009	42.014.982	325.986.340	368.001.322
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2009	42.014.982	325.986.340	368.001.322
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2009	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	-	-	-

## 8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Góp vốn vào Công ty CP Hanel - Mirolin	-	900.000.000
<b>Tổng cộng</b>	-	<b>900.000.000</b>

## 9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí thuê đất phân xưởng xốp Vĩnh Tuy	-	369.541.920
Chi phí thuê đất nhà máy xốp Sài Đồng	119.645.164	299.112.910
Chi phí thuê đất nhà máy nhựa Sài Đồng	97.130.204	242.825.510
Chi phí hệ thống quản lý chất lượng và môi trường	12.266.666	43.835.234

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

Chi phí phụ tùng máy ép xốp	870.373.558	62.874.351
Cải tạo bề công nghệ Phân xưởng xốp Sài Đồng	2.112.375	8.449.503
Chi phí dầu thủy lực cho máy ép nhựa	9.812.978	59.393.246
Chi phí vật tư sửa chữa	120.264.702	134.864.661
Chi phí sửa chữa máy nén khí	272.996.684	163.343.345
Chi phí chế tạo bộ gia nhiệt máy ép nhựa	23.050.561	53.784.641
Chi phí tư vấn	139.861.114	121.527.778
Chi phí mua xe nâng tay Phân xưởng nhựa	2.589.581	5.414.583
Chi phí thiết bị đo sản phẩm canon	2.497.687	5.222.437
Chi phí khác	227.936.772	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.900.538.046</b>	<b>1.570.190.119</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>22.601.768.574</i>	<i>33.999.110.766</i>
Ngân hàng Ngoại Thương - CN Chương Dương	21.978.563.574	33.242.880.766
VND	11.838.651.253	6.153.496.762
USD	10.139.912.321	27.089.384.004
Vay cá nhân	623.205.000	756.230.000
Phan Thị Thủ	78.390.000	78.390.000
Nguyễn Thị Diệu	40.000.000	-
Phạm Ngọc Thu	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Đức Thắng	-	50.000.000
Nguyễn Hương Lan	204.815.000	297.840.000
Vũ Thị Quyết	-	30.000.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.614.733.513</i>	<i>5.796.858.232</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Chương Dương	3.614.733.513	5.796.858.232
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.216.502.087</b>	<b>39.795.968.998</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	34.606.875	-
Thuế nhập khẩu	31.709.099	60.905.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp	359.747.317	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>426.063.291</b>	<b>60.905.619</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	25.513.259	12.542.403
Bảo hiểm xã hội	130.370.332	2.788.212
Bảo hiểm y tế	66.801.326	49.894.379
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.313.332	327.947.584
Trợ cấp Bảo hiểm xã hội	10.313.332	13.319.332
Dư có TK 1388	-	314.628.252
<i>Công ty CP Hanel xốp nhựa</i>	-	38.436.355
<i>Công ty CP Công nghệ và Vật liệu nhựa cao cấp Plasmate</i>	-	22.218.000
<i>Khuôn Canon</i>	-	253.973.897
<b>Tổng cộng</b>	<b>232.998.249</b>	<b>393.172.578</b>

**13. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>	<i>7.437.801.165</i>	<i>10.657.868.717</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Chương Dương	7.437.801.165	10.657.868.717
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.437.801.165</b>	<b>10.657.868.717</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**14. Vốn chủ sở hữu**

**14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2008</b>	<b>28.327.040.000</b>	<b>3.883.559.565</b>	-	<b>1.806.603.784</b>	<b>34.017.203.349</b>
Tăng vốn trong năm trước	1.672.960.000	-	-	-	1.672.960.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	52.109.828	52.109.828
Tăng khác	-	792.360.000	740.689.565	44.719.800	1.577.769.365
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	740.689.565	5.400.000	1.663.523.854	2.409.613.419
<b>Số dư ngày 01/01/2009</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>3.935.230.000</b>	<b>735.289.565</b>	<b>239.909.558</b>	<b>34.910.429.123</b>
Tăng vốn trong năm nay	10.000.000.000	3.000.000.000	-	-	13.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.905.598.651	3.905.598.651
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư ngày 31/12/2009</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>6.935.230.000</b>	<b>735.289.565</b>	<b>4.145.508.209</b>	<b>51.816.027.774</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty Điện tử Hà Nội (*)	20.482.560.000	10.482.560.000
Trịnh Quang	297.100.000	297.100.000
Lê Minh Chiêu	144.100.000	144.100.000
Vũ Huy Nam	100.900.000	100.900.000
Trần Ngọc Hằng	133.200.000	133.200.000
Phan Văn Quân	90.200.000	90.200.000
Các cổ đông khác	18.751.940.000	18.751.940.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>

(\*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 12/09/2009 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 22/12/2009 và thông báo chấp thuận báo cáo phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24/12/2009, vốn của Công ty đã tăng thêm 10 tỷ đồng do Công ty Điện tử Hà Nội chuyển tiền mua cổ phần của cổ đông chiến lược vào ngày 25/12/2009.

**14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp đầu năm	30.000.000.000	28.327.040.000
Vốn góp tăng trong năm	10.000.000.000	1.672.960.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000.000	450.000.000

**14.4 Cổ phiếu**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	4.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	3.000.000

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

(\*): Công ty CP Hanel xốp nhựa đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo phát hành riêng lẻ cho cổ đông chiến lược. Đến thời điểm 31/12/2009, Công ty Điện tử Hà Nội đã chuyển tiền mua cổ phần của cổ đông chiến lược với giá trị vốn góp theo mệnh giá là 10 tỷ đồng. Tuy nhiên, số cổ phiếu tương ứng với giá trị vốn góp nêu trên không được chia cổ tức của năm tài chính 2009.

**14.5 Các quỹ của doanh nghiệp**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2009	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2009
Quỹ đầu tư phát triển	544.142.715	-	-	544.142.715
Quỹ dự phòng tài chính	188.687.241	-	-	188.687.241
<b>Tổng cộng</b>	<b>732.829.956</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>732.829.956</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**15 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa	8.025.925.546	6.184.035.103
Doanh thu bán thành phẩm nhựa	59.787.920.729	61.700.414.612
Doanh thu bán thành phẩm xốp	57.380.419.466	52.499.785.366
Doanh thu bán màng hút	1.329.861.740	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>126.524.127.481</b>	<b>120.384.235.081</b>

**16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chiết khấu thương mại	-	42.310.340
Giảm giá hàng bán	309.684	66.981.545
<b>Tổng cộng</b>	<b>309.684</b>	<b>109.291.885</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**17. Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa	8.025.925.546	6.184.035.103
Doanh thu bán thành phẩm nhựa	59.787.920.729	61.606.537.272
Doanh thu bán thành phẩm xốp	57.380.109.782	52.484.370.821
Doanh thu bán màng hút	1.329.861.740	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>126.523.817.797</b>	<b>120.274.943.196</b>

**18. Giá vốn bán hàng**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hàng hóa	7.123.805.840	5.955.116.817
Giá vốn thành phẩm nhựa	52.098.106.241	53.377.320.931
Giá vốn thành phẩm xốp	47.638.827.872	47.018.586.274
Giá vốn bán màng hút	1.090.383.520	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>107.951.123.473</b>	<b>106.351.024.022</b>

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.888.224	21.378.354
Lãi từ hoạt động bán cổ phần Công ty Hanel - Mirolin	180.000.000	-
Lãi góp vốn vào công ty CP Hanel - Mirolin	-	63.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	113.877.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.888.224</b>	<b>198.255.354</b>

**20. Chi phí tài chính**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	3.590.906.219	7.647.603.335
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.107.181.479	2.485.273.134
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	198.801.203
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.698.087.698</b>	<b>10.331.677.672</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	128.022.147.711	126.864.849.823
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	123.289.657.885	126.731.496.816
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	4.732.489.826	133.353.007
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp	133.948.489	156.801.203
- <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm</i>	-	198.801.203
- <i>Phạt hành chính bảo vệ môi trường</i>	-	21.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	(63.000.000)
- <i>Phạt hành chính (chứng khoán)</i>	50.000.000	-
- <i>Tiền truy thu thuế và nộp phạt thuế</i>	83.948.489	-
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	4.866.438.315	290.154.210
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.216.609.579	81.243.179
Thuế TNDN được giảm theo ưu đãi đầu tư	35.336.471	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009	354.381.933	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	826.891.175	81.243.179

**22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.905.598.651	52.109.828
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
+ <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.905.598.651	52.109.828
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	2.954.079
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.301,87	17,64

**VIII. Những thông tin khác****1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan:**

	Quan hệ với Công ty	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>7.939.815.059</b>	<b>6.485.250.235</b>
Công ty CP Hanel - Mirolin	Công ty liên kết	337.404.706	390.632.889

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

Công ty CP ĐT&KD TM Hanel	Cùng tập đoàn	-	220.735.038
Công ty TNHH Điện tử Daewoo - Hanel	Cùng tập đoàn	7.602.410.353	5.873.882.308
Công ty CP Nhựa và Bao bì Hanel	Cùng tập đoàn	-	363.090.909
<i>Mua hàng</i>		<i>70.000.000</i>	<i>104.000.000</i>
Công ty CP Hanel - Mirolin	Công ty liên kết	70.000.000	104.000.000

**1.2 Số dư với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
<i>Các khoản phải thu</i>		<i>1.928.971.283</i>	<i>2.183.612.765</i>
Công ty CP Hanel - Mirolin	Công ty liên kết	-	46.929.633
Công ty TNHH Điện tử Daewoo - Hanel	Cùng tập đoàn	661.910.806	669.622.655
Công ty CP Đầu tư và KD Thương mại Hanel	Cùng tập đoàn	243.118.921	443.118.921
Công ty TNHH Đèn hình Orion - Hanel	Cùng tập đoàn	1.023.941.556	1.023.941.556
Công ty CP Nhựa và Bao bì Hanel	Cùng tập đoàn	-	50.449.500
<i>Các khoản phải trả</i>		<i>-</i>	<i>572.204.489</i>
Công ty Điện tử Hà Nội	Cùng tập đoàn	-	572.204.489

**2. Những thông tin khác****2.1 Phải thu khách hàng**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Công ty TNHH TM và Công nghiệp Mỹ Việt	1.211.228.049	1.316.038.569
Vũ Quốc Việt	3.800.000	-
Công ty CP Hanel Mirolin	-	46.929.633
Công ty Panasonic	7.377.920	-
Công ty TNHH XD&PT vật liệu mới Việt Khoa	-	18.834.500
Công ty CP SX và DV Tràng An	4.000.000	-
Công ty Xây dựng dân dụng và CN Delta	-	93.240.000
Công ty CP Công nghiệp SHINMEIDO	9.781.200	-
Công ty Sao Mai	89.900.000	-
Công ty TNHH TM&ĐT Huy Phát	632.000.000	-
Công ty TNHH Nhựa Vĩnh Tiến	-	28.564.536
Công ty TNHH Một thành viên nước sạch Hà Nội	-	29.040.000
Công ty TNHH Suncall Việt Nam	384.360.000	122.622.600
Công ty CP công nghệ và VL nhựa cao cấp Plasmate	31.365.577	60.365.577
Công ty CP Phát Triển Phú Khang	660.400	-

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

Công ty TNHH Đèn hình Orion	1.023.941.556	1.023.941.556
Xí nghiệp Cao su đường sắt	1.220.500	-
Công ty TNHH điện tử Daewoo Hanel	661.910.806	669.622.655
Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam	2.717.726.307	2.148.635.561
Công ty Thiết bị và Sản phẩm an toàn VN	-	14.495.468
Công ty Liên doanh Quốc tế Shinil Todimax	21.719.500	15.059.220
Công ty CP Phương Hoàng	26.400.000	-
Tổng công ty hàng không Việt Nam	58.625.160	18.400.800
Công ty TNHH MTS Viet Nam	-	339.461.873
Công ty TNHH Canon VN	11.518.812.679	11.516.374.180
Công ty CP Đầu tư và KD TM Hanel	243.118.921	443.118.921
Công ty Siêu thị Hà Nội - Hapro mart	15.364.700	15.364.700
Công ty TNHH PT Kỹ nghệ HN	29.348.200	29.348.200
Công ty TM Huy Hùng	-	2.790.000
Công ty TNHH Xuân Ngọc	7.528.770	7.528.770
Chi nhánh Công ty LD xây dựng nền móng phía Nam	78.191.600	98.191.600
Công ty CP Thương mại và Sản xuất Vĩnh Thịnh	2.740.000	-
Công ty TNHH Mabuchi Motor Đà Nẵng	274.267.655	78.971.745
Công ty TNHH Quốc tế JaGuar Hà Nội	339.382.541	-
Công ty CP Xây Dựng Đại Dương	-	23.999.996
Công ty YAMAHA Motor VN	723.800	-
Công ty TNHH Samsung Electronics VN	424.727.160	-
Công ty CP Nhựa và bao bì hanel	-	50.449.500
Công ty CP XD Thương mại An Phát	-	23.309.000
Công ty Showpla	162.290.145	-
Công ty TNHH TOTO Việt Nam	240.568.020	51.578.548
Công ty Gevi	9.095.680	-
Nguyễn Văn Trung	5.130.400	62.771.805
<b>Tổng cộng</b>	<b>20.237.307.246</b>	<b>18.349.049.513</b>

## 2.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Thương Mại Triệu Nam	-	90.000.000
Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật an toàn công nghiệp	-	65.910.000
Công ty TNHH TM-SX Tân Hùng Cơ	-	19.800.000
Công ty TNHH Tư vấn KT, TC, thuế-KT COM.PT	5.000.000	-
Công ty CP Công nghiệp SHINMEIDO	50.000.000	-
Công ty CP Truyền thông Đất Việt	-	2.500.000

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

Văn phòng Luật sư Chính và Cộng sự	-	11.000.000
Công ty TNHH TM&Vận tải Thu Trang	61.200.000	61.200.000
Xuzhou Double Rings Machinery	-	420.106.500
BASF Singapore PTE.,LTD	559.041.560	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>675.241.560</b>	<b>670.516.500</b>

**2.3 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
<i>Tạm ứng</i>	<b>958.772.042</b>	<b>555.230.652</b>
Bùi Văn Lễ	8.000.000	8.000.000
Đoàn Đức Vỹ	-	7.500.000
Vũ Quốc Việt	4.000.000	5.000.000
Phạm Quốc Nam	181.665.739	30.000.000
Trịnh Ngọc Toàn	17.720.000	44.400.000
Đặng Hoàng Hải	19.000.000	27.000.000
Trần Xuân Trinh	25.000.000	7.570.400
Hà Quang Huy	10.000.000	1.400.000
Lê Quốc Bảo	53.000.000	
Phạm Văn Nghĩa	5.300.000	
Nguyễn Văn Trung	5.000.000	5.000.000
Nguyễn Hồng Phong		1.500.000
Ngô Thị Hải Yến	30.000.000	-
Hàn Ngọc Thu	2.000.000	-
Trần Việt Linh	7.000.000	7.000.000
Vũ Mạnh Hùng	16.000.000	26.200.000
Biện Hồng Nhung	270.000.000	4.325.000
Nguyễn Hương Lan	247.586.303	327.586.303
Nguyễn Hữu Ngọc	2.000.000	2.000.000
Vũ Thị Quyết	2.000.000	1.498.949
Tô Thị Nga	10.000.000	-
Trần Văn Đạt	-	12.750.000
Nguyễn Bình Minh	-	2.000.000
Nguyễn Duy Hải	-	16.000.000
Lương Quang Hiệp	17.500.000	15.000.000
Nguyễn Việt Cường	-	3.500.000
Nguyễn Kim Thịnh	16.000.000	-
Nguyễn Thị Tuyết	10.000.000	-
<i>Ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	<b>48.500.000</b>	<b>2.659.571</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.007.272.042</b>	<b>557.890.223</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

**2.4 Phải trả người bán**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Luki protection	-	91.521.203
Trung tâm hỗ trợ kỹ thuật an toàn công nghiệp	18.765.533	-
Công ty TNHH An Quý	99.000.000	27.456.000
Đoàn Đức Vỹ	-	29.341.466
Công ty TNHH Trần Thành	110.639.200	34.454.800
Công ty CP Sản xuất và Phân phối Minh Anh	7.260.000	-
Công ty TNHH Tân Tín Phát	46.240.425	-
Công ty TNHH Việt Anh	-	603.771.208
Công ty TNHH Sơn Asia (Việt Nam)	-	15.153.600
Công ty CP Nhựa Tiến Đạt	247.607.040	133.649.888
Công ty TNHH Cao su Giải Phóng	27.500.000	-
Công ty CP TM và SX Đình Gia	2.380.000	-
Công ty TNHH SX& TM Việt Thành	214.193.618	-
Công ty TNHH Tân Trung Việt	-	13.207.500
Hoa Xuân	-	1.950.000
Văn Chi	-	12.520.000
Công ty CP Sản xuất & TM Việt Đài	-	36.223.640
Công ty Than Hoàng Phát	1.095.627.990	61.261.200
Công ty TNHH Máy và DVKT Đức Sơn	-	74.173.008
Công ty TNHH Tư vấn Công nghệ & Quản lý SX	36.000.000	-
Công ty TNHH Nhựa Xốp Phương Nam	81.840.000	-
Công ty CP Nội thất An Thái Hoà	3.400.000	-
DAINICHI COLOR Việt Nam ,LTD	2.082.591.280	1.616.792.000
Công ty cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn	-	45.000.000
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Nam -Ma Lay Sia	95.369.000	84.849.270
TOYO INK COMPOUNDS Việt Nam Co , LTD	651.043.008	1.145.455.425
Doanh nghiệp tư nhân Hoa Nam	-	27.783.800
Công ty Điện tử Hà Nội	-	572.204.489
Công ty CP Đầu tư Phú Khang	-	34.750.001
Công ty TNHH Hà Thành- BQPhòng	14.175.000	6.375.000
Công ty TNHH TM &SX Đăng Quang	-	13.332.000
Trung tâm thực nghiệm	6.400.000	-
Công ty CP Tiến Thành	90.094.935	128.508.380
Công ty TNHH Kỹ thuật và TM OCT	-	15.780.600
Công ty TNHH TM và DV vận tải Ngọc Diệp	272.895.884	-
Công ty TNHH SIK Việt Nam	1.693.235.698	1.883.929.760
Trung tâm năng suất Việt nam	-	18.400.000
Hà Tuấn Anh	-	56.732.400
Công ty TNHH Polystyrene Viet Nam	1.332.995.017	-



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2009

(tiếp theo)

Vũ Quốc Hưng	12.724.999	-
Công ty Wai Wah - Hongkong	-	302.368.600
Công ty Than và VLXDTN Hà Nội	37.296.000	2.486.322.300
Công ty TNHH SX TM Tân Liên Minh	14.800.000	-
Công ty Showpla	-	214.847.172
Công ty tesa tape asia pacific pte LTD	-	138.920.400
Trịnh Ngọc Toàn	27.440.000	16.845.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.321.514.627</b>	<b>9.943.880.110</b>

**2.5 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công ty CP Kỹ Thuật HI	14.110.800	14.110.800
Công ty CP SX và DV Tràng An	-	50.000.000
Công ty TNHH FUJKIN VN	27.426.300	27.426.300
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.537.100</b>	<b>91.537.100</b>

**2.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên	520.383.791	361.216.059
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	13.835.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.266.721.240	3.205.626.160
Chi phí bằng tiền khác	60.326.048	50.367.097
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.847.431.079</b>	<b>3.631.044.872</b>

**2.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.368.967.654	2.054.989.801
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.463.744	113.964.865
Chi phí khấu hao TSCĐ	217.155.666	302.594.984
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	200.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.379.778.721	1.601.390.176
Chi phí bằng tiền khác	1.125.019.013	962.855.968
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.420.384.798</b>	<b>5.040.795.794</b>

